|  |  |
| --- | --- |
| PGD HUYỆN XUÂN TRƯỜNG**TRƯỜNG THCS XUÂN TÂN** |  **KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KỲ II****NĂM HỌC 2024-2025****MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN 8**Thời gian: 60 phút |

**A. Khung ma trận**

- Thời điểm kiểm tra: Kiểm tra giữa học kì II, khi kết thúc nội dung:

+ Phần Vật lý:

+ Phần Hóa học: Bài 10. Oxide

+ Phần Sinh học: Bài 40. Sinh sản ở người

- Thời gian làm bài: 60 phút.

- Hình thức kiểm tra: Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận.

- Cấu trúc:

 - Phần năng lượng: 3,5 điểm

 - Phần chất. Sự biến đổi chất: 3,25 điểm

 - Phần vật sống: 3,25 điểm

- Phần trắc nghiệm nhiều lựa chọn: 3,0 điểm, gồm 12 câu hỏi

- Phần trắc nghiệm đúng sai: 3,0 điểm, gồm 3 câu hỏi

- Phần trả lời ngắn: 1 điểm, gồm 4 câu hỏi

- Phần tự luận: 3 điểm.

 **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề/Chương** | **Nội dung/đơn** **vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Tổng** | **Tỉ lệ** **%** **điểm** |
| **TNKQ** | **Tự luận** |  |  |
| *Nhiều lựa chọn* | *“Đúng - Sai”*  | *Trả lời ngắn* |  |  |  |
| **Biết** | **Hiểu** | **Vận dụng** | **Biết** | **Hiểu** | **Vận dụng** | **Biết** | **Hiểu** | **Vận dụng** | **Biết** | **Hiểu** | **Vận dụng** | **Biết** | **Hiểu** | **Vận dụng** |  |
| 1 | Chủ đề 1:Điện | Bài 20: Hiện tượng nhiễm điện do cọ xát  | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |  | 2,5 |
| Bài 21: Dòng điện, nguồn điện | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |  | 2,5 |
| Bài 22:Mạch điện đơn giản  |  |  |  |  | 1  |  | 1 |  |  |  | 1 |  | 1 | 2 |  | 22,5 |
| Bài 23: Tác dụng của dòng điện  |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 2,5 |
| Bài 24: Cường độ dòng điện và hiệu điện thế | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 2 |  |  | 5 |
| Bài 25: Thực hành đo cường độ dòng điện và hiệu điện thế  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Chủ đề 2: Một số hợp chất thông dụng. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Bài 9. Base. Thang pHBài 10. Oxide | 111 |  | 1 |  |  | 1 | 1 |  |  |  | 1 |  | 4 | 1 | 2 | 32,5 |
| 3 | Chủ đề 3. Sinh học cơ thể người |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Bài 37. Hệ thần kinh và các giác quan ở người.Bài 38. Hệ nội tiết ở người.Bài 39. Da và điều hòa thân nhiệt ở người.Bài 40. Sinh sản ở người | 1111 |  |  | 1 |  |  | 1 |  |  |  |  | 1 | 6 |  | 1 | 32,5 |
| **Tổng số câu** | 10 | 0 | 2 | 1 | 1 | 1 | 4 | 0 | 0 | 0 | 2 | 1 | 15 | 3 | 4 | 22 |
| **Tổng số điểm** | 3,0 | 2,0 | 2,0 | 3,0 | 4,0 | 3,0 | 3,0 | 10,0 |
| **Tỉ lệ %** | 30 | 20 | 20 | 30 | 40 | 30 | 30 | 100 |

**B. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề/Chương** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá** |
| **TNKQ** | **Tự luận** |
| *Nhiều lựa chọn* | *“Đúng - Sai”* | *Trả lời ngắn* |  |
| **Biết** | **Hiểu** | **Vận dụng** | **Biết** | **Hiểu** | **Vận dụng** | **Biết** | **Hiểu** | **Vận dụng** | **Biết** | **Hiểu** | **Vận dụng** |
| 1 | **Chủ đề 1** | Bài 20: Hiện tượng nhiễm điện do cọ xát  | **Nhận biết**- Lấy được ví dụ về hiện tượng nhiễm điện.- Cách làm cho một vật bị nhiễm điện **Thông hiểu**- Mô tả cách làm một vật bị nhiễm điện.- Giải thích được sơ lược nguyên nhân một vật cách điện nhiễm điện do cọ xát.- Chỉ ra được vật nhiễm điện chỉ có thể nhiễm một trong hai loại điện tích.**Vận dụng**- Giải thích được một vài hiện tượng thực tế liên quan đến sự nhiễm điện do cọ xát.**Vận dụng cao**- Vận dụng phản ứng liên kết ion để giải thích cơ chế vật nghiễm điện. | C1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Bài 21: Dòng điện, nguồn điện | **Nhận biết**- Nhận biết được kí hiệu nguồn điện.- Nêu được nguồn điện có khả năng cung cấp năng lượng điện.- Kể tên được một số nguồn điện trong thực tế.- Phát biểu được định nghĩa về dòng điện.- Kể tên được một số vật liệu dẫn điện và vật liệu không dẫn điện.**Thông hiểu**- Nguồn điện 1 chiều luôn có 2 cực (âm, dương) cố định.- Nguồn điện xoay chiều đổi cực liên tục.- Giải thích được nguyên nhân vật dẫn điện, vật không dẫn điện. | C2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Bài 22:Mạch điện đơn giản  | **Nhận biết**Nhận biết kí hiệu mô tả: nguồn điện, điện trở, biến trở, chuông, ampe kế, vôn kế, cầu chì, đi ốt và đi ốt phát quang.**Thông hiểu**- Vẽ được mạch điện theo mô tả cách mắc.- Mô tả được sơ lược công dụng của cầu chì (hoặc: rơ le, cầu dao tự động, chuông điện).**Vận dụng**- Xác định được cường độ dòng điện của đoạn mạch gồm ba điện trở mắc nối tiếp (hoặc đoạn mạch gồm ba điện trở mắc song song)- Xác định được hiệu điện thế của đoạn mạch gồm ba điện trở mắc nối tiếp (hoặc đoạn mạch gồm ba điện trở mắc song song). |  |  |  |  | C13 |  | C16 |  |  |  |  |  |
| Bài 23: Tác dụng của dòng điện  | **Nhận biết**- Nêu được dòng điện có tác dụng: nhiệt, phát sáng, hoá học, sinh lí.**Thông hiểu**- Giải thích được tác dụng nhiệt của dòng điện. - Giải thích được tác dụng phát sáng của dòng điện. - Giải thích được tác dụng hóa học của dòng điện. - Giải thích được tác dụng sinh lí của dòng điện. **Vận dụng**- Chỉ ra được các ví dụ trong thực tế về tác dụng của dòng điện và giải thích.**Vận dụng cao**- Thiết kế phương án (hay giải pháp) để làm một vật dụng điện hữu ích cho bản thân (hay đưa ra biện pháp sử dụng điện an toàn và hiệu quả).  |  |  | C3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Bài 24: Cường độ dòng điện và hiệu điện thế | **Nhận biết**- Nêu được đơn vị cường độ dòng điện.- Nhận biết được ampe kế, kí hiệu ampe kế trên hình vẽ.- Nêu được đơn vị đo hiệu điện thế.- Nhận biết được vôn kế, kí hiệu vôn kế trên hình vẽ.- Nhận biết được điện trở (biến trở) kí hiệu của điện trở (biến trở).**Thông hiểu**- Vẽ được mạch điện đơn giản gồm: nguồn điện, điện trở (biến trở), ampe kế.- Vẽ được mạch điện đơn giản gồm: nguồn điện, điện trở (biến trở), vôn kế.- Mắc được mạch điện đơn giản khi cho trước các thiết bị. | C4 |  |  |  |  |  |  |  | C17 |  |  | C20 |
| Bài 25: Thực hành đo cường độ dòng điện và hiệu điện thế  | **Vận dụng**- Xác định được cường độ dòng điện chạy qua một điện trở, hai điện trở mắc nối tiếp (hoặc hai điện trở mắc song song) khi biết trước các số liệu liên quan trong bài thí nghiệm (hoặc xác định bằng công thức Định luật Ôm cho đoạn mạch: I = U/R)- Xác định được hiệu điện thế trên hai đầu đoạn mạch có hai điện trở mắc nối tiếp (hoặc mắc song song) khi biết trước các số liệu liên quan trong bài thí nghiệm (hoặc xác định giá trị bằng công thức Định luật Ôm cho đoạn mạch: I = U/R) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | **Chủ đề 2:** **Một số hợp chất thông dụng.** | Bài 9. Base.  | **Nhận biết:**– Nêu được khái niệm base (tạo ra ion OH–).– Nêu được kiềm là các hydroxide tan tốt trong nước.– Tra được bảng tính tan để biết một hydroxide cụ thể thuộc loại kiềm hoặc base không tan.**Vận dụng:**– Tiến hành được thí nghiệm base là làm đổi màu chất chỉ thị, phản ứng với acid tạo muối, nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất của base. | C5 |  |  |  |  |  | C18 |  |  |  |  |  |
| Thang pH  | **Nhận biết**– Nêu được thang pH, sử dụng pH để đánh giá độ acid - base của dung dịch.**Vận dụng**– Tiến hành được một số thí nghiệm đo pH (bằng giấy chỉ thị) một số loại thực phẩm (đồ uống, hoa quả,...).– Liên hệ được pH trong dạ dày, trong máu, trong nước mưa, đất. | C6 |  | C8 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Bài 10. Oxide | **Nhận biết**– Nêu được khái niệm oxide là hợp chất của oxygen với một nguyên tố khác.**Thông hiểu**– Viết được phương trình hoá học tạo oxide từ kim loại/phi kim với oxygen.– Phân loại được các oxide theo khả năng phản ứng với acid/base (oxide acid, oxide base, oxide lưỡng tính, oxide trung tính).**Vận dụng:**– Tiến hành được thí nghiệm oxide kim loại phản ứng với acid; oxide phi kim phản ứng với base; nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất hoá học của oxide. | C7 |  |  |  |  | C14 |  |  |  |  | C21 |  |
| 3 | **Chủ đề 3. Sinh học cơ thể người** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Bài 37. Hệ thần kinh và các giác quan ở người.Bài 38. Hệ nội tiết ở người.Bài 39. Da và điều hòa thân nhiệt ở người.Bài 40. Sinh sản ở người | **1. Chức năng, sự phù hợp giữa cấu tạo với chức năng của hệ thần kinh và các giác quan****Nhận biết:** * Nêu được chức năng của hệ thần kinh và các giác quan.
* Nêu được chức năng của các giác quan thị giác và thính giác.

– Dựa vào hình ảnh kể tên được hai bộ phận của hệ thần kinh là bộ phận trung ương (não, tuỷ sống) và bộ phận ngoại biên (các dây thần kinh, hạch thần kinh). **2. Bảo vệ hệ thần kinh và các giác quan****Nhận biết:**–Nêu được tác hại của các chất gây nghiện đối với hệ thần kinh. –Trình bày được một số bệnh về thị giác và thính giác và cách phòng, chống các bệnh đó (ví dụ: bệnh về mắt: bệnh đau mắt đỏ, ...; tật về mắt: cận thị, viễn thị, ...).– Trình bày được một số bệnh về hệ thần kinh và cách phòng các bệnh đó.– Dựa vào hình ảnh hay sơ đồ, kể tên được các bộ phận của mắt và sơ đồ đơn giản quá trình thu nhận ánh sáng.– Dựa vào hình ảnh hay sơ đồ, kể tên được các bộ phận của tai ngoài, tai giữa, tai trong và sơ đồ đơn giản quá trình thu nhận âm thanh. **Vận dụng:** –Liên hệ được kiến thức truyền ánh sáng trong thu nhận ánh sáng ở mắt. – Liên hệ được cơ chế truyền âm thanh trong thu nhận âm thanh ở tai.**3. Sức khoẻ học đường có liên quan tới hệ thần kinh và các giác quan****Vận dụng:** –Không sử dụng các chất gây nghiện và tuyên truyền hiểu biết cho người khác.* Vận dụng được hiểu biết về các giác quan để bảo vệ bản thân và người thân trong gia đình.

**Vận dụng cao:** – Tìm hiểu được các bệnh và tật về mắt trong trường học (cận thị, viễn thị,...), tuyên truyền chăm sóc và bảo vệ đôi mắt.**1. Chức năng của các tuyến nội tiết****Nhận biết:** * Kể được tên các tuyến nội tiết.

–Nêu được chức năng của các tuyến nội tiết.**2. Bảo vệ hệ nội tiết** **Nhận biết:** – Nêu được một số bệnh liên quan đến hệ nội tiết (tiểu đường, bướu cổ do thiếu iodine,...).–Nêu được cách phòng chống các bệnh liên quan đến hệ nội tiết.**Vận dụng:** * Vận dụng được hiểu biết về các tuyến nội tiết để bảo vệ sức khoẻ bản thân và người thân trong gia đình.

**Vận dụng cao:** Tìm hiểu được các bệnh nội tiết ở địa phương (ví dụ bệnh tiểu đường, bướu cổ). **1. Chức năng và cấu tạo da người** **Nhận biết:** – Nêu được cấu tạo sơ lược của da. – Nêu được chức năng của da.**2. Chăm sóc và bảo vệ da** **Nhận biết:** * Trình bày được một số bệnh về da và các biện pháp chăm sóc, bảo vệ và làm đẹp da an toàn.

**Vận dụng:** –Vận dụng được hiểu biết về da để chăm sóc da, trang điểm an toàn cho da. **Vận dụng cao:** – Tìm hiểu được các bệnh về da trong trường học hoặc trong khu dân cư. – Tìm hiểu được một số thành tựu ghép da trong y học.**3. Thân nhiệt** **Nhận biết:** * Nêu được khái niệm thân nhiệt.

– Nêu được vai trò và cơ chế duy trì thân nhiệt ổn định ở người. * Nêu được vai trò của da và hệ thần kinh trong điều hoà thân nhiệt.
* Nêu được một số biện pháp chống cảm lạnh, cảm nóng.

– Nêu được ý nghĩa của việc đo thân nhiệt.* Trình bày được một số phương pháp chống nóng, lạnh cho cơ thể.

**Vận dụng:** * Thực hành được cách đo thân nhiệt.

 **Vận dụng cao:** – Thực hiện được tình huống giả định cấp cứu khi cảm nóng hoặc lạnh.**1. Chức năng, cấu tạo của hệ sinh dục****Nhận biết:** – Nêu được chức năng của hệ sinh dục. – Kể tên được các cơ quan sinh dục nam và nữ. * Trình bày được chức năng của các cơ quan sinh dục nam và nữ.

- Nêu được hiện tượng kinh nguyệt.**2. Bảo vệ hệ sinh dục và Bảo vệ sức khoẻ sinh sản.****Nhận biết:*** Kể tên được một số bệnh lây truyền qua đường sinh dục (bệnh HIV/AIDS, giang mai, lậu,...).

– Nêu được ý nghĩa và các biện pháp bảo vệ sức khoẻ sinh sản vị thành niên.* Nêu được cách phòng tránh thai.
* Nêu được khái niệm thụ tinh và thụ thai.
* Trình bày được cách phòng chống các bệnh lây truyền qua đường sinh dục (bệnh HIV/AIDS, giang mai, lậu,...).

**Vận dụng:** * Vận dụng được hiểu biết về sinh sản để bảo vệ sức khoẻ bản thân.

**Vận dụng cao:** –Điều tra được sự hiểu biết của học sinh trong trường về sức khoẻ sinh sản vị thành niên (an toàn tình dục). | C9C12C10C11 |  |  | C15 |  |  | C19 |  |  |  |  | C22 |
| **Tổng số câu** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng số điểm** |  | 3,0 | 3,0 | 1,0 | 3,0 |
| **Tỉ lệ %** |  | 30 | 30 | 10 | 30 |

**C. Đề kiểm tra:**

|  |  |
| --- | --- |
| **PGD HUYỆN XUÂN TRƯỜNG****TRƯỜNG THCS XUÂN TÂN** | **KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ II****NĂM HỌC 2024-2025****Môn: KHTN – Lớp 8**Thời gian: 60 phút (không kể thời gian giao đề) |

**PHẦN I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn: Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án trả lời**

**Câu 1:**Có thể làm thước nhựa nhiễm điện bằng cách nào dưới đây?

A. Áp sát thước nhựa vào một cực của pin.

B. Áp sát thước nhựa vào một đầu của thanh nam châm.

C. Hơ nóng nhẹ thước nhựa trên ngọn lửa.

D. Cọ xát thước nhựa bằng mảnh vải khô.

**Câu 2:** Dụng cụ nào sau đây **không** phải là nguồn điện?

A. Pin. B. Bóng đèn điện đang sáng.

C. Sạc dự phòng. D. Acquy.

**Câu 3:**  Khi tiến hành thí nghiệm cho dòng điện chạy qua đùi ếch thì đùi ếch co lại, đó là tác dụng nào của dòng điện?

A. Tác dụng hóa học. B. Tác dụng từ.

C. Tác dụng sinh lí. D. Tác dụng nhiệt.

**Câu 4:** Đơn vị của cường độ dòng điện là

A. ampe (A). B. vôn (V). C. niuton (N). D. culong (C).

 **Câu 5:**  Base nào là kiềm?

A. Ba(OH)2. B. Cu(OH)2. C. Mg(OH)2. D. Fe(OH)2.

**Câu 6:** Thang pH được dùng để:

A. biểu thị độ acid của dung dịch. B. biểu thị độ base của dung dịch

C. biểu thị độ acid, base của dung dịch. D. biểu thị độ mặn của dung dịch

**Câu 7:** Điền vào chỗ trống: "Oxide là hợp chất của ... với một nguyên tố khác."

A. Oxygen B. Hydrogen C. Nitrogen D. Carbon

**Câu 8.** Trong cơ thể người, pH của máu luôn được duy trì ổn định trong phạm rất hẹp khoảng:

A. 7,25-7,35 B. 7,35-7,45 C. 7,45-7,55 D. 7,55-7,65

**Câu 9. :** Cận thị là

A. tật mà hai mắt nằm quá gần nhau. B. tật mà mắt không có khả năng nhìn gần.

C. tật mà mắt chỉ có khả năng nhìn gần. D. tật mà mắt chỉ có khả năng nhìn xa.

**Câu 10.** Lớp ngoài cùng của da được gọi là

**A.** lớp bì. **B.** lớp biểu bì. **C.** lớp mỡ dưới da. **D.** lớp dưới niêm mạc.

**Câu 11.** Sử dụng bao cao su khi quan hệ tình dục giúp phòng tránh thai vì

**A.** ngăn cản tinh trùng gặp trứng. **B.** ngăn cản hợp tử làm tổ trong tử cung.

**C.** ngăn cho trứng chín rụng. **D.** ngăn cản quá trình sản xuất tinh trùng.

**Câu 12.** Hệ cơ quan nào có chức năng tiết hormone điều hòa các quá trình sinh lí của cơ thể?

 **A.** Hệ vận động. **B.** Hệ hô hấp. **C.** Hệ tiêu hóa. **D.** Hệ nội tiết

**PHẦN II. Trắc nghiệm đúng sai: Thí sinh trả lời từ câu 13 đến câu 15. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.**

**Câu 13:** Khi nói về mạch điện, công dụng của cầu chì, cầu dao tự động, Rơle. Phát biểu nào là đúng, sai?

a. Mạch điện bao gồm các bộ phận: nguồn điện, các vật tiêu thụ điện và các dây dẫn nối các vật tiêu thụ điện với hai cực nguồn điện.

b. Cầu dao tự động cũng có tác dụng ngắt mạch như cầu chì, và được sử dụng để bảo vệ các thiết bị điện khác trong mạch khi dòng điện đột ngột tăng quá mức.

c. Cầu chì có tác dụng thay đổi dòng điện khi dòng điện đột ngột giảm quá mức

d. Để ngắt những dòng điện lớn mà hệ thống mạch điều khiển không thể can thiệp trực tiếp, ta sử dụng Rơ le

**Câu 14:** Khi tìm hiểu về Base bạn An có những phát biểu sau. Phát biểu nào là đúng, sai?

a. Chỉ có base tan mới gọi là kiềm

b. . Làm quỳ tím hoá xanh.

c. Tác dụng với acid tạo thành muối và nước.

d. Base là hợp chất mà phân tử có chứa nguyên tử kim loại

**Câu 15. Phát biểu sau đúng hay sai khi nói về da và thân nhiệt cơ thể**

a. Lớp mỡ dưới da có vai trò chủ yếu là cách nhiệt.

b.Ở người bình thường, nhiệt độ đo được ở miệng là 37oC

c. Khi lao động nặng, cơ thể sẽ toả nhiệt bằng cách sởn gai ốc

d. Da có vai trò chính đối với đời sống con người là góp phần tạo nên vẻ đẹp bên ngoài.

**PHẦN III. Trắc nghiệm trả lời ngắn: Thí sinh trả lời từ câu 16 đến câu 19**

**Câu 16:**  Trong hình sau, điện trở là thiết bị số......



**Câu 17:** Dùng ampe kế có giới hạn đo 5A, trên mặt số được chia là 25 khoảng nhỏ nhất. Khi đo cường độ dòng điện trong mạch điện, kim chỉ thị chỉ ở khoảng thứ 16. Cường độ dòng điện đo được là.......A

**Câu 18:**  Base là những hợp chất trong phân tử có nguyên tử kim loại liên kết với nhóm hydroxide . Khi tan trong nước, base tạo ra ion ..."

**Câu 19:**  Bệnh tiểu đường có liên quan đến sự thiếu hụt hoặc rối loạn hoạt tính của hoocmôn nào?

**PHẦN IV: Tự luận. *Viết câu trả lời hoặc lời giải cho các bài tập sau***

**Câu 20: *(1,0 điểm)***

Vẽ sơ đồ mạch điện đơn giản gồm 1 nguồn điện (pin), 1 bóng đèn, 1 công tắc và vẽ chiều dòng điện trong mạch khi công tắc đóng

**Câu 21: *(1,0 điểm)***

*Hoàn thành các phương trình hóa học sau:*

**a***.* …. + O2 →  Al2O3 **b.**P + ….. →  P2O5

**c.** S  *+ …..* →  SO2 **d.** Mg + O2 →  MgO

**Câu 22: *(1,0 điểm)***

Hãy kể một số bệnh lây qua đường sinh dục, từ đó đề xuất các biện pháp phòng chống các bệnh đó.

**-----------HẾT-----------**

 **HDC CHẤM ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG HỌC KỲ I**

**PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12 ( Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu**  | **1**  | **2**  | **3**  | **4**  | **5**  | **6**  | **7**  | **8**  | **9**  | **10**  | **11**  | **12** |
| **Chọn**  | D | B | C | A | A | C | A | B | C | B | A | D |

**PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.**

- Thí sinh lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm;

- Thí sinh lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;

- Thí sinh lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm;

- Thí sinh lựa chọn chính xác 04 ý trong 01 câu hỏi được 1,0 điểm.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu**  | **13**  | **14**  | **15** |
| **Đáp án**  | a. Đb. Đc. Sd. Đ | a. Đb. Sc. Đd. S | a. Đ b. Đc. Sd. S |

**PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4** Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu**  | **16**  | **17**  | **18**  | **19** |
| **Đáp án**  | 4 | 3,2 | OH­- |  Insulin. |

**PHẦN IV. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 3**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  **Nội dung**  | **Điểm** |
| **Câu 20:****(1đ)** | https://hoc247.net/fckeditorimg/upload/images/d(19).pngVẽ đúng kí hiệu 1 nguồn điện (pin), 1 bóng đèn, 1 công tắc, chiều dòng điện 1 điểm. Nếu sai 1 kí hiệu trừ 0,25 điểm | **1** |
| **Câu 21. (1đ)** | *Hoàn thành các phương trình hóa học sau:* **a***.*  4Al + 3O2 → 2Al2O3**b.**4P + 5O2 →  2P2O5**c.** S  *+* O2→  SO2  **d.** 2Mg + O2 →  2MgO | **0,25** **0,25** **0,25** **0,25**  |
| **Câu 22****(1 điểm)** | Một số bệnh lây qua đường sinh dục là giang mai, bệnh lậu, hội chứng AIDS | **0,25** |
| Biện pháp phòng chống:- Sử dụng các biện pháp bảo vệ để tránh mắc bệnh lây qua đường tình dục như dùng bao cao su**-** Quan hệ tình dục một vợ một chồng**-** Giữ gìn vệ sinh cơ quan sinh dục- Khám kiểm tra sức khỏe sinh sản định kỳ- Tiêm phòng các bệnh lây qua đường tình dục. | **0,75** |

**Lưu ý:** *- Không làm tròn tổng điểm toàn bài.*

*- Học sinh trình bày hoặc giải bằng cách khác* ***đúng*** *cho điểm tương đương.*